

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29-10-2019

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Bích Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Bùi Thị Hải Đường;

2. Ông Trần Hữu Thiện.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai – Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Nhã, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 460/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 79/2019/QĐXX ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu H, sinh năm: 1979; địa chỉ: Tổ 1, ấp Ninh Hưng 2, xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh D, sinh năm: 1976; địa chỉ: Tổ 1, ấp Ninh Hưng 2, xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 29 tháng 7 năm 2019, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Lê Thị Thu H trình bày:

Bà và ông D tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, có tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn. Bà và ông D sống không hạnh phúc. Nhưng vì các con bà H chịu đựng cho đến nay. Từ năm 2007 cho đến nay ông D không đi làm việc. Bà H phải đi làm nuôi cả gia đình. Ông D mỗi lần uống rượu về là miệt thị, đánh và đe dọa giết bà. Bà H có báo sự việc với Công an xã Chà Là nhưng ông D vẫn không thay đổi. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn.

Về con chung: Bà và ông D có 02 con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày: 30-08-2001 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày: 06-01-2004. Hiện 02 con chung đang sống cùng với ông bà. Ly hôn Tòa án xét theo nguyện vọng của các con. Nếu các

con có nguyện vọng ở với bà thì bà xin nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Ông D được quyền thăm nom con chung, bà không cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh trình bày:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền theo Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa sơ thẩm dân sự; Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do. Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Tuyên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà H với ông D; Về con chung: Giao 02 con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở; Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về án phí dân sự sơ thẩm bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Kiến nghị khác: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Ông D đã được Tòa án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Tòa án xét xử vắng mặt bà H, ông D theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện chung sống như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay không đăng ký kết hôn. Ông bà sống không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là khoảng từ năm 2007 cho đến nay ông D không đi làm, bà H phải một mình đi làm nuôi cả gia đình. Ông D uống rượu về lại miệt thị, đánh và đe dọa giết bà. Bà H đã báo sự việc với Công an xã Chà Là nhưng ông D vẫn không thay đổi. Ông D đã được Tòa án mời lên làm việc nhiều lần nhưng không lên. Bà H có làm đơn xin xác nhận của địa phương sống chung với ông D như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51 và 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ của ông bà là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông bà có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày: 30-08-2001 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày: 06-01-2004. Hiện 02 con chung đang sống cùng với ông bà. Ly hôn bà H xin được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông D cấp dưỡng. Nguyên vọng 02 con chung là được ở với bà H. Con chung Lê Minh T khi bà H làm đơn xin ly hôn chưa đủ 18 tuổi. Nhưng tại thời điểm xét xử con chung Lê Minh T đã đủ 18 tuổi. Nhưng do con chung Lê Minh T vẫn còn đi học nên tiếp tục giao cho bà H chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông D không đến Tòa án để hòa giải về con chung. Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho bà H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông D được quyền thăm nom 02 con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nhận xét và quan điểm nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ.

[7] Về án phí: Theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà H là nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 14, 15, 51, 53, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Thu H với ông Nguyễn Minh D là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên là Lê Minh T, sinh ngày: 30-08-2001 và Lê Thị Tuyết M, sinh ngày: 06-01-2004 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Bà H không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung. Ông D được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Thu H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí sơ thẩm dân sự nhưng được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí khởi kiện bà H đã nộp theo biên lai thu số 0003569 ngày 02-8-2019 của Chi cục thi hành án dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà H đã nộp xong án phí.

5. Quyết định này có hiệu lực thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND. tỉnh Tây Ninh;
- VKSND. Huyện Dương Minh Châu;
- CCTHADS. Huyện Dương Minh Châu;
- UBND. Xã Chà Là;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Bích Hằng

Dương Thị Bích Hằng

